



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

**Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ tài chính 6 tháng  
kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018**

Mã số thuế: **3500100424**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1-2
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-25

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**1. Công ty**

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 7 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su, chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

**2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó chủ tịch
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Phan Văn Phú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018)

**Ban kiểm toán nội bộ**

Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018)
Bà Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2018)
Ông Nguyễn Mai Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2018)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2018)
Ông Ký Hữu Trí	Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2018)
Ông Trần Hữu Trí	Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2018)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2018)
Ông Trần Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm từ ngày 10 tháng 5 năm 2018)

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**4. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**5. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**6. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị  


**Ông NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Số : TNRUB /016.HCM.18-SX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018 từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**TRẦN THỊ MAI HƯƠNG**  
**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0417-2018-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>181.318.251.465</b>	<b>192.493.741.521</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>67.376.243.450</b>	<b>118.324.370.593</b>
Tiền	111		13.376.243.450	38.324.370.593
Các khoản tương đương tiền	112		54.000.000.000	80.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>95.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		95.000.000.000	50.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.683.560.125</b>	<b>5.645.636.825</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	6.626.313.078	7.784.698.046
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		873.877.000	1.200.882.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	3.694.052.406	2.191.138.638
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(5.510.682.359)	(5.531.082.359)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.6	<b>7.186.577.378</b>	<b>18.477.240.976</b>
Hàng tồn kho	141		7.186.577.378	18.477.240.976
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.071.870.512</b>	<b>46.493.127</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	6.068.956.786	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	2.913.726	46.493.127
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>142.233.281.553</b>	<b>143.023.661.594</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>51.233.516.869</b>	<b>47.964.262.251</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	51.091.850.203	47.794.262.252
Nguyên giá	222		115.822.037.002	110.879.338.944
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.730.186.799)	(63.085.076.692)
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	141.666.666	169.999.999
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(198.333.334)	(170.000.001)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>62.178.313.642</b>	<b>67.150.173.451</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	62.178.313.642	67.150.173.451
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>26.811.175.704</b>	<b>26.811.175.704</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.11	26.811.175.704	26.811.175.704
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.010.275.338</b>	<b>1.098.050.188</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.820.570.980	904.265.830
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.12	189.704.358	193.784.358
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>323.551.533.018</b>	<b>335.517.403.115</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.350.479.240</b>	<b>23.245.983.802</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.350.479.240</b>	<b>23.245.983.802</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	859.110.887	1.577.743.757
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.244.600.000	1.927.680.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	902.052.680	2.083.288.060
Phải trả người lao động	314		644.992.691	7.093.542.643
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	1.494.585.671	1.457.872.986
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	2.155.723.203	1.881.941.210
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.17	10.049.414.108	7.223.915.146
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	4.18	<b>306.201.053.778</b>	<b>312.271.419.313</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>306.201.053.778</b>	<b>312.271.419.313</b>
Vốn cổ phần	411		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		94.077.963.251	93.017.963.251
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.623.090.527	26.753.456.062
- Lũy kế của các kỳ trước	421a		-	-
- Kỳ này	421b		19.623.090.527	26.753.456.062
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>323.551.533.018</b>	<b>335.517.403.115</b>

**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**

Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**TRẦN HỮU TRÍ**

Kế toán trưởng/Người lập bảng

37  
11  
3  
B  
T.H  
T.H



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>33.166.827.901</b>	<b>25.917.694.441</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	5.1	<b>33.166.827.901</b>	<b>25.917.694.441</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	5.2	<b>27.146.581.385</b>	<b>19.168.117.159</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>6.020.246.516</b>	<b>6.749.577.282</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	19.755.425.320	18.392.809.416
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	5.4	94.605.149	22.198.358
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	4.524.012.819	3.550.801.174
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>21.157.053.868</b>	<b>21.569.387.166</b>
Thu nhập khác	31	5.6	540.540.288	283.224.316
Chi phí khác	32	5.7	896.097.939	854.931.508
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(355.557.651)</b>	<b>(571.707.192)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>20.801.496.217</b>	<b>20.997.679.974</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	1.174.325.690	1.265.515.470
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	4.080.000	7.380.000
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>19.623.090.527</b>	<b>19.724.784.504</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	827	819
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.9	827	819

**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**

Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**TRẦN HỮU TRÍ**

Kế toán trưởng/Người lập bảng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	20.801.496.217	20.997.679.974
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.989.580.497	2.692.512.009
Hoàn nhập dự phòng	03	(20.400.000)	(36.900.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(20.036.111.517)	(18.499.989.416)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.734.565.197</b>	<b>5.153.302.567</b>
Giảm các khoản phải thu	09	1.079.785.033	5.611.958.112
Giảm hàng tồn kho	10	11.290.663.598	3.553.109.049
Giảm các khoản phải trả	11	(9.635.395.555)	(1.769.170.321)
Giảm chi phí trả trước	12	(6.985.261.936)	(4.885.043.116)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(526.629.078)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.269.557.100)	(4.899.522.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.311.829.841)</b>	<b>2.764.634.291</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.286.975.306)	(1.666.226.998)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	280.686.197	107.180.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.384.716.987	18.651.809.416
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(27.621.572.122)</b>	<b>7.092.762.418</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.014.725.180)	(15.353.146.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(17.014.725.180)</b>	<b>(15.353.146.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ</b>	<b>50</b>	<b>(50.948.127.143)</b>	<b>(5.495.749.291)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ</b>	<b>60</b>	<b>118.324.370.593</b>	<b>136.535.945.334</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ</b>	<b>70</b>	<b>67.376.243.450</b>	<b>131.040.196.043</b>



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2018

TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng/Người lập bảng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 7 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non;
- Đội cao su Phong Phú (trước đây là Nông trường cao su Phong Phú, đã đổi tên theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị ngày 10 tháng 5 năm 2018);
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, số lượng công nhân viên của Công ty là 373 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 384 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

### **3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### **3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Dụng cụ quản lý	4 - 7 năm

### **3.5 Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao trong thời gian 6 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**3.6 Vườn cây cao su và xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)**

*Vườn cây cao su*

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 15 đến 20 năm.

*Xây dựng cơ bản dở dang khác*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

**3.7 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chủ yếu bao gồm chi phí vật tư, công cụ dụng cụ. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước hoặc khoảng thời gian của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.8 Các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

**3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

**3.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**3.11 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc đầu tư mở rộng của Công ty.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng và nâng cao phúc lợi cho nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**3.12 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu là lãi trên cổ phiếu có tính đến tác động của công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm.

**3.13 Doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Doanh thu từ cổ tức được chia**

Doanh thu từ cổ tức được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**3.14 Quỹ tiền lương**

Tiền lương được tạm tính và ghi nhận vào chi phí trong kỳ tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty.

**3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

### Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng đối với các hoạt động sau:

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường Hoà Bình 2, Nông trường Phong Phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc), Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế.
- Hoạt động chế biến nông sản thực hiện tại thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

### 3.16 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	585.525.766	615.198.463
Tiền gửi ngân hàng - VND	12.790.717.684	37.709.172.130
Các khoản tương đương tiền - VND	54.000.000.000	80.000.000.000
	<b>67.376.243.450</b>	<b>118.324.370.593</b>

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất hiện tại là 5,2%/năm.

### 4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - VND	<b>95.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất hiện tại là 6,5%/năm.

### 4.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	4.199.180.000	4.219.180.000
Công ty TNHH QUILON Speciality Việt Nam	749.494.053	1.323.617.585
Bên thứ ba - Khác	1.677.639.025	2.241.900.461
<b>Cộng phải thu khách hàng</b>	<b>6.626.313.078</b>	<b>7.784.698.046</b>
Dự phòng phải thu khó đòi (thuyết minh 4.5)	(5.192.862.359)	(5.213.262.359)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>1.433.450.719</b>	<b>2.571.435.687</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**4.4 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Lãi dự thu	2.516.308.333	1.145.600.000
Ứng trước thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm toán nội bộ	145.000.000	325.200.000
Tạm ứng nhân viên	49.638.154	56.750.000
Ký quỹ thuê xe	5.000.000	5.000.000
Phải thu khác	978.105.919	658.588.638
<b>Cộng phải thu khác</b>	<b>3.694.052.406</b>	<b>2.191.138.638</b>
Dự phòng phải thu khó đòi (thuyết minh 4.5)	(317.820.000)	(317.820.000)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>3.376.232.406</b>	<b>1.873.318.638</b>

**4.5 Nợ quá hạn và Dự phòng phải thu khó đòi**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Số dư nợ quá hạn VND	trong đó, lập dự phòng VND	Số dư nợ quá hạn VND	trong đó, lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	5.192.862.359	5.192.862.359	5.213.262.359	5.213.262.359
Phải thu khác	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
	<b>5.510.682.359</b>	<b>5.510.682.359</b>	<b>5.531.082.359</b>	<b>5.531.082.359</b>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, trong số dư nợ quá hạn bao gồm 4.537.000.000 VND là khoản phải thu từ Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh (trước đây là Doanh nghiệp tư nhân Phát Hưng) phát sinh từ năm 2006 và 973.682.359 VND là khoản nợ khó đòi từ các khách hàng của Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long.

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu kỳ/năm	5.531.082.359	5.886.967.875
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(20.400.000)	(355.885.516)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>5.510.682.359</b>	<b>5.531.082.359</b>

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, các khoản nợ phải thu đã được xóa nợ là 279.043.885 VND (31 tháng 12 năm 2017 là 279.043.885 VND).

**4.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn:</b>		
Nguyên vật liệu	2.843.091.125	1.016.751.467
Công cụ dụng cụ	813.853.749	681.391.516
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	821.157.454	329.344.307
Thành phẩm	2.708.475.050	16.449.753.686
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>7.186.577.378</b>	<b>18.477.240.976</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>7.186.577.378</b>	<b>18.477.240.976</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**4.7 Chi phí trả trước**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí phát sinh ngoài vụ (*)	6.068.956.786	-
	<b>6.068.956.786</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	113.526.711	263.226.611
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.564.436.377	574.916.677
Chi phí khác	142.607.892	66.122.542
	<b>1.820.570.980</b>	<b>904.265.830</b>

(\*) Chi phí phát sinh ngoài vụ bao gồm: tiền thuê đất và chi phí khác phát sinh ngoài vụ (6 tháng đầu năm 2018), các chi phí này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh trong vụ (6 tháng cuối năm 2018).

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu kỳ/năm	904.265.830	777.780.056
Tăng trong kỳ/năm	1.530.590.183	992.306.341
Phân bổ trong kỳ/năm	(614.285.033)	(865.820.567)
Số dư cuối kỳ/năm	<b>1.820.570.980</b>	<b>904.265.830</b>

**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư 01/01/2018	40.033.115.618	21.396.155.576	3.781.663.963	1.092.022.320	44.576.381.467	110.879.338.944
Tăng từ XDCB	-	-	-	-	6.258.835.115	6.258.835.115
Thanh lý	(76.028.229)	(547.718.343)	(229.628.858)	(462.761.627)	-	(1.316.137.057)
Số dư 30/06/2018	<b>39.957.087.389</b>	<b>20.848.437.233</b>	<b>3.552.035.105</b>	<b>629.260.693</b>	<b>50.835.216.582</b>	<b>115.822.037.002</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư 01/01/2018	34.244.024.389	14.361.220.174	2.953.446.539	1.092.022.320	10.434.363.270	63.085.076.692
Khấu hao	745.961.259	878.667.241	66.250.162	-	1.270.368.502	2.961.247.164
Thanh lý	(76.028.229)	(547.718.343)	(229.628.858)	(462.761.627)	-	(1.316.137.057)
Số dư 30/06/2018	<b>34.913.957.419</b>	<b>14.692.169.072</b>	<b>2.790.067.843</b>	<b>629.260.693</b>	<b>11.704.731.772</b>	<b>64.730.186.799</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Ngày 01/01/2018	5.789.091.229	7.034.935.402	828.217.424	-	34.142.018.197	47.794.262.252
Ngày 30/06/2018	<b>5.043.129.970</b>	<b>6.156.268.161</b>	<b>761.967.262</b>	<b>-</b>	<b>39.130.484.810</b>	<b>51.091.850.203</b>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 31.317.882.576 VND (31 tháng 12 năm 2017 là 32.634.019.633 VND).

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 309.851.108 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**4.9 Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm quản lý vườn cây VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2018	340.000.000
Vào ngày 30/06/2018	<b>340.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2018	170.000.001
Khấu hao trong kỳ	28.333.333
Vào ngày 30/06/2018	<b>198.333.334</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2018	169.999.999
Vào ngày 30/06/2018	<b>141.666.666</b>

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2018 VND	Tăng VND	Kết chuyển TSCĐ VND	30/06/2018 VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	57.090.367.716	1.048.928.690	(4.101.887.721)	54.037.408.685
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	9.652.625.735	238.046.616	(2.156.947.394)	7.733.724.957
Chi phí XDCB khác	407.180.000	-	-	407.180.000
	<b>67.150.173.451</b>	<b>1.286.975.306</b>	<b>(6.258.835.115)</b>	<b>62.178.313.642</b>

**4.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Góp vốn vào đơn vị khác	<b>26.811.175.704</b>	<b>26.811.175.704</b>

Khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của Công ty này. Trong kỳ tài chính này, Công ty nhận được cổ tức được chia cho năm 2017 từ khoản đầu tư này là 15.278.458.300 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

4.12 Thuế thu nhập hoãn lại	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
- Dự phòng phải thu khó đòi	189.704.358	193.784.358
	<b>189.704.358</b>	<b>193.784.358</b>

Tình hình biến động của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu kỳ/năm	193.784.358	584.761.734
Ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(4.080.000)	(390.977.376)
Số dư cuối kỳ/năm	<b>189.704.358</b>	<b>193.784.358</b>

4.13 Phải trả người bán ngắn hạn	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Bên liên quan	55.100.000	-
Nguyễn Thị Tuyết	131.024.711	211.090.967
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hai Sơn	216.795.370	881.190.849
Công ty CP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn	336.190.000	-
Bên thứ ba - Khác	120.000.806	485.461.941
	<b>859.110.887</b>	<b>1.577.743.757</b>

4.14 Thuế	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</i>		
Số dư đầu kỳ/năm	-	50.805.163
Phát sinh trong kỳ/năm :		
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	496.412.290	1.042.585.451
- Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	(496.412.290)	(1.093.390.614)
Số dư cuối kỳ/năm	-	-

**Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước**

	Vào ngày 01/01/2018 VND	Phải nộp trong kỳ VND	Đã nộp trong kỳ VND	Vào ngày 30/06/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	703.770.928	1.360.958.142	(1.969.544.119)	95.184.951
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.925.086	1.174.325.690	(526.629.078)	696.621.698
Thuế thu nhập cá nhân	(46.493.127)	80.659.251	(37.079.850)	(2.913.726)
Thuế tài nguyên	1.400.640	2.576.960	(3.526.720)	450.880
Tiền thuế đất	1.329.191.406	1.367.919.758	(2.587.316.013)	109.795.151
Lệ phí môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
	<b>2.036.794.933</b>	<b>3.995.439.801</b>	<b>(5.133.095.780)</b>	<b>899.138.954</b>
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả	2.083.288.060			902.052.680
Phải thu	(46.493.127)			(2.913.726)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**4.15 Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
Chi phí ăn giữa ca	66.170.472	111.957.787
Chi phí thuê đất	1.298.415.199	1.298.415.199
Chi phí khác	130.000.000	47.500.000
	<b><u>1.494.585.671</u></b>	<b><u>1.457.872.986</u></b>

**4.16 Phải trả khác**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	1.479.430.288	1.169.155.468
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh, bảo hành	402.291.395	375.385.250
Phải trả khác (*)	274.001.520	337.400.492
	<b><u>2.155.723.203</u></b>	<b><u>1.881.941.210</u></b>

(\*) Trong đó bao gồm 247.426.902 VND là công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

**4.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<b>Từ 01/01/2018</b>	<b>Năm 2017</b>
	<b>đến 30/06/2018</b>	
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	7.223.915.146	6.711.085.146
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	7.914.856.062	6.115.188.000
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(5.089.357.100)	(5.602.358.000)
Số dư cuối kỳ/năm	<b><u>10.049.414.108</u></b>	<b><u>7.223.915.146</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẬT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**4.18 Vốn chủ sở hữu**

**Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm trước</b>				
Số dư 01/01/2017	192.500.000.000	91.957.636.159	22.975.515.092	307.433.151.251
Lợi nhuận trong năm	-	-	26.753.456.062	26.753.456.062
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.060.327.092	(1.060.327.092)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.115.188.000)	(6.115.188.000)
Chia cổ tức	-	-	(15.400.000.000)	(15.400.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
<b>Số dư 31/12/2017</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>93.017.963.251</b>	<b>26.753.456.062</b>	<b>312.271.419.313</b>

**Kỳ này**

Số dư 01/01/2018	192.500.000.000	93.017.963.251	26.753.456.062	312.271.419.313
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	19.623.090.527	19.623.090.527
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.060.000.000	(1.060.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.914.856.062)	(7.914.856.062)
Chia cổ tức	-	-	(17.325.000.000)	(17.325.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	(453.600.000)	(453.600.000)
<b>Số dư 30/06/2018</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>94.077.963.251</b>	<b>19.623.090.527</b>	<b>306.201.053.778</b>

Trong kỳ, các quỹ Đầu tư phát triển và Khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 19 tháng 4 năm 2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)****Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ/năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ/năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ/năm	192.500.000.000	192.500.000.000
Chia cổ tức trong kỳ/năm	17.325.000.000	15.400.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 19 tháng 4 năm 2018, cổ tức năm 2017 được chia theo tỷ lệ 9% (2016: 8%).

**Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP
- Cổ phiếu ưu đãi : không có		

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu thuần**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu bán mủ cao su	27.735.464.050	19.388.423.600
Doanh thu khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	5.431.363.851	6.529.270.841
	<b>33.166.827.901</b>	<b>25.917.694.441</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán***Phân loại theo tính chất*

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá vốn bán mủ cao su	22.559.455.967	14.060.379.336
Giá vốn khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	4.587.125.418	5.107.737.823
	<b>27.146.581.385</b>	<b>19.168.117.159</b>

**Giá vốn hàng bán (tiếp theo)**

*Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố*

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.907.964.933	2.421.193.687
Chi phí nhân công	5.450.287.411	7.185.045.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.824.096.001	2.528.307.317
Chi phí dụng cụ sản xuất	536.992.407	384.936.967
Chi phí gia công	1.637.532.856	1.022.894.922
Chi phí khác	540.242.288	87.863.491
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ	(491.813.147)	(466.134.922)
Chênh lệch thành phẩm đầu kỳ và cuối kỳ	13.741.278.636	6.004.010.079
	<b>27.146.581.385</b>	<b>19.168.117.159</b>
<b>5.3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.476.967.020	3.700.976.516
Cổ tức được chia	15.278.458.300	14.691.832.900
	<b>19.755.425.320</b>	<b>18.392.809.416</b>
<b>5.4 Chi phí bán hàng</b>		
	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí kiểm định sản phẩm	28.656.000	-
Chi phí bốc xếp	65.949.149	22.198.358
	<b>94.605.149</b>	<b>22.198.358</b>
<b>5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.217.936.204	2.430.407.847
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	99.682.148	90.229.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	150.505.239	114.883.034
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Trợ cấp thôi việc	211.614.614	183.452.530
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(20.400.000)	(36.900.000)
Chi phí quảng cáo	-	5.000.000
Chi phí tiếp khách	94.397.817	107.951.225
Chi phí điện thoại	61.497.531	50.820.371
Chi phí khác	704.779.266	600.956.567
	<b>4.524.012.819</b>	<b>3.550.801.174</b>

31  
 TÀI  
 CHÍNH  
 B  
 P.H  
 TF

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.6 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	280.686.197	107.180.000
Thu khác	259.854.091	176.044.316
	<b>540.540.288</b>	<b>283.224.316</b>

**5.7 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định ngưng sử dụng	14.979.257	49.321.658
Chi phí thiệt hại từ xây dựng cơ bản tại Nông trường cao su Phong Phú	-	759.651.298
Chi phí lãi chậm nộp từ cổ phần hóa cho SCIC	880.384.313	-
Chi phí khác	734.369	45.958.552
	<b>896.097.939</b>	<b>854.931.508</b>

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.174.325.690	1.265.515.470
Chi phí thuế TNDN hoãn lại (thuyết minh 4.12)	4.080.000	7.380.000
	<b>1.178.405.690</b>	<b>1.272.895.470</b>

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	20.801.496.217	20.997.679.974
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế :		
Chi phí không được khấu trừ	895.363.570	58.630.273
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	(15.278.458.300)	(14.691.832.900)
Chênh lệch tạm thời: Dự phòng phải thu khó đòi	(20.400.000)	(36.900.000)
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>6.398.001.487</b>	<b>6.327.577.347</b>

Chi phí thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi 10%	63.220.670	-
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi 15%	126.161.815	-
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất phổ thông 20%	984.943.205	1.265.515.470
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.174.325.690</b>	<b>1.265.515.470</b>



**5.9 Lãi trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (trình bày lại)</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.623.090.527	19.724.784.504
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (i)	<u>(3.704.569.734)</u>	<u>(3.957.428.031)</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>15.918.520.793</b>	<b>15.767.356.473</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm/ được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong kỳ</b>	<b>19.250.000</b>	<b>19.250.000</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	827	819
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	827	819

- (i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của kỳ tài chính 6 tháng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 được điều chỉnh giảm cho khoản quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 19 tháng 4 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: cao su và nông sản

Kết quả kinh doanh cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su		Nông sản		Cộng	
	2018	2017	2018	2017	2018	2017
Doanh thu bán cho bên ngoài	27.736	19.388	5.431	6.529	33.167	25.917
Lợi nhuận khác	(357)	(633)	1	61	(356)	(572)
Giá vốn	(22.559)	(14.060)	(4.587)	(5.108)	(27.146)	(19.168)
Chi phí bán hàng	(95)	(22)	-	-	(95)	(22)
<b>Kết quả bộ phận</b>	<b>4.725</b>	<b>4.673</b>	<b>845</b>	<b>1.482</b>	<b>5.570</b>	<b>6.155</b>
Chi phí không phân bổ					(4.524)	(3.551)
Doanh thu tài chính					19.755	18.393
Thuế TNDN					(1.178)	(1.273)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>19.623</b>	<b>19.724</b>
Chi phí mua sắm tài sản	1.287	2.129	-	-	1.287	2.129
Chi phí khấu hao	2.563	2.253	427	440	2.990	2.693

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018

Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su		Nông sản		Cộng	
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018
Tài sản bộ phận	318.446	329.496	5.106	6.021	323.552	335.517
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng tài sản</b>	<b>318.446</b>	<b>329.496</b>	<b>5.106</b>	<b>6.021</b>	<b>323.552</b>	<b>335.517</b>
Nợ phải trả bộ phận	17.284	22.451	66	795	17.350	23.246
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>17.284</b>	<b>22.451</b>	<b>66</b>	<b>795</b>	<b>17.350</b>	<b>23.246</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập do Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

## 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

*Đơn vị tính : Triệu VND*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.376	118.324	67.376	118.324
Đầu tư tài chính ngắn hạn	95.000	50.000	95.000	50.000
Phải thu khách hàng	1.433	2.571	1.433	2.571
Phải thu khác	3.231	1.548	3.231	1.548
	<b>167.040</b>	<b>172.443</b>	<b>167.040</b>	<b>172.443</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	859	1.578	859	1.578
Các khoản phải trả khác	2.171	2.171	2.171	2.171
	<b>3.030</b>	<b>3.749</b>	<b>3.030</b>	<b>3.749</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh với các bên có liên quan như sau :

Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
<b>Công ty TNHH Hưng Nhơn</b> Bán cây cao su thanh lý	38.400.000	107.180.000
<b>Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng</b> Mua nguyên liệu	679.035.000	1.106.782.000

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư các khoản phải trả với các bên có liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng</b> Phải trả thương mại	55.100.000	-

Thủ lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau :

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lương, thưởng và phụ cấp	<u>840.000.000</u>	<u>492.580.000</u>

**8.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.



\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**

Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2018

\_\_\_\_\_  
**TRẦN HỮU TRÍ**

Kế toán trưởng/Người lập bảng